

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MỤC LỤC

Trang

1.	BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
2.	BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3 - 4
3.	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
4.	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
5.	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
6.	THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 20
7.	CÁC PHỤ LỤC	19 -24



CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

366E CMT8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

Đăng ký kinh doanh, hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Sadico Cần Thơ được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5703000320 ngày 27/06/2007. Tính đến thời điểm lập báo cáo này, giấy phép kinh doanh đã được thay đổi lần thứ 3. Số đăng ký kinh doanh lần thứ 3 là: 1800155452

Hình thức sở hữu vốn; Công ty cổ phần

Trụ sở hoạt động

Trụ sở Công ty đặt tại số 366E CMT8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

Hội đồng quản trị

- Ông Nguyễn Phú Thọ	Chủ tịch
- Ông Lê Ngọc Anh	Phó Chủ tịch
- Ông Nguyễn Văn Cường	Thành viên
- Ông Lưu Văn Kính	Thành viên
- Ông Phạm Mạnh Thường	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- Ông Nguyễn Phú Thọ	Tổng giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Cường	Phó Tổng Giám đốc
- Bà Dương Thị Quỳnh Giao	Kế toán trưởng

Hoạt động chính của công ty trong năm 2011

Sản xuất vỏ bao đựng xi măng

Kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của công ty được trình bày ở báo cáo tài chính đính kèm (từ trang 05 đến trang 24).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng, bất kỳ sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ báo cáo mà cần phải điều chỉnh số liệu của báo cáo tài chính thì đã được điều chỉnh hoặc phải cần trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính thì đã được trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính.

Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ (AA) được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập báo cáo tài chính đảm bảo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ của công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 trên các khía cạnh trọng yếu và theo đúng các chuẩn mực, các chế độ kế toán được chấp nhận và các quy định có liên quan tại Việt Nam. Để lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách đó;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

366E CMT8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong thuyết minh báo cáo tài chính hay không;

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính này.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc



Tổng Giám đốc

Nguyễn Phú Thọ

Cần Thơ, ngày 29 tháng 02 năm 2012

Số:

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC VÀO NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc
Công ty cổ phần Sadico Cần Thơ

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 được lập ngày 29 tháng 02 năm 2012 và được trình bày từ trang 05 đến trang 24.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu mà chưa được phát hiện ra.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần SADICO Cần Thơ tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả sản xuất, kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



ĐẠI DIỆN CÔNG TY KIỂM TOÁN MỸ (AA)

LÊ VĂN THANH

Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên Việt Nam

Chứng chỉ KTV số 0357/KTV

NGUYỄN PHƯƠNG LAN ANH

Giám đốc

Kiểm toán viên Việt Nam

Chứng chỉ KTV số 0673/KTV

American Auditing (AA) thành lập tại Việt Nam năm 2001 được chấp thuận kiểm toán, xác định giá trị doanh nghiệp cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết, tổ chức tín dụng, tổ chức kinh doanh chứng khoán, tổng Công ty nhà nước, tập đoàn nước ngoài... theo Quyết định số 1938/QĐ-BTC của Bộ Tài chính Việt Nam, Quyết định số 1078/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam và Quyết định số 16227/VACPA của Hội kiểm toán viên Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

366E CMT8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		113.591.863.727	120.701.014.784
Tiền & các khoản tương đương tiền	110		6.984.986.030	15.490.856.101
Tiền	111	V.1	6.984.986.030	2.990.856.101
Các khoản tương đương tiền	112		-	12.500.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		59.924.628.369	48.372.495.782
Phải thu của khách hàng	131	V.2	58.292.302.747	46.840.888.980
Trả trước cho người bán	132	V.3	59.355.495	49.135.275
Các khoản phải thu khác	135	V.4	1.572.970.127	1.482.471.527
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		-	-
Hàng tồn kho	140		45.030.913.874	53.913.546.761
Hàng tồn kho	141	V.5	45.100.329.374	53.913.546.761
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(69.415.500)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.651.335.454	2.924.116.140
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	67.368.788	262.007.536
Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.7	82.971.024	1.331.783.358
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	205.477.451
Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	1.500.995.642	1.124.847.795
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		95.381.422.377	99.701.990.938
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	89.835.940
Tài sản cố định	220		46.726.908.737	50.729.561.300
TSCĐ hữu hình	221	V.9	46.611.433.937	48.861.300.370
Nguyên giá	222		148.754.423.184	142.678.696.175
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(102.142.989.247)	(93.817.395.805)
TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
TSCĐ vô hình	227	V.10	-	3.447.189
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	115.474.800	1.864.813.741
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.12	48.535.019.789	48.535.019.789
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		42.291.820.004	42.291.820.004
Đầu tư dài hạn khác	258		6.243.199.785	6.243.199.785
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
Tài sản dài hạn khác	260	V.13	119.493.851	347.573.909
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		208.973.286.104	220.403.005.722

"Các thuyết minh đính kèm là một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính"

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

366E CMT8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

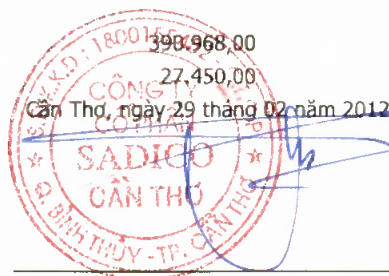
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
NỢ PHẢI TRẢ	300		116.194.097.595	125.964.481.235
Nợ ngắn hạn	310		93.301.371.063	84.995.495.045
Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	43.709.103.550	49.946.607.826
Phải trả cho người bán	312	V.15	6.682.118.276	3.478.487.422
Người mua trả tiền trước	313	V.16	5.000.000.000	49.998.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	1.690.684.766	779.632.433
Phải trả công nhân viên	315		7.294.277.450	5.190.084.046
Chi phí phải trả	316	V.18	27.438.792.979	23.716.855.940
Phải trả nội bộ	317		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	1.015.504.040	1.227.830.717
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		470.890.002	605.998.661
Nợ dài hạn	330		22.892.726.532	40.968.986.190
Phải trả dài hạn khác	333		-	13.000.000
Vay và nợ dài hạn	334	V.20	22.530.083.000	40.758.083.000
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		362.643.532	197.903.190
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		92.779.188.509	94.438.524.487
Vốn chủ sở hữu	410	V.15	92.779.188.509	94.438.524.487
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		64.999.970.000	64.999.970.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(50.000.000)	(50.000.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	130.622.263
Quỹ đầu tư phát triển	417		9.081.974.157	7.215.274.999
Quỹ dự phòng tài chính	418		4.248.320.716	3.448.306.791
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		14.498.923.636	18.694.350.434
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		208.973.286.104	220.403.005.722
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CĐKT	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý			921.540.701	921.540.701
Ngoại tệ các loại				
+USD			390.968,00	801.255,00
+EURO			27.450,00	2.832,00



Dương Thị Quỳnh Giao
Kế toán trưởng



Nguyễn Phú Thọ
Tổng Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

366E CMT8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

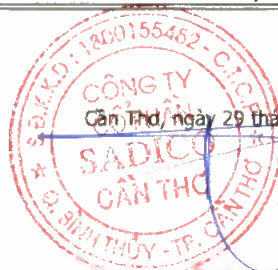
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2011**

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm nay	Năm trước
1. Tổng doanh thu	01	VI.1	279.942.413.326	231.531.936.227
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ(10 = 01 - 02)	10	VI.2	279.942.413.326	231.531.936.227
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	249.124.076.375	199.581.088.919
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20 = 10 - 11)	20		30.818.336.951	31.950.847.308
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	15.058.637.440	23.133.336.819
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	11.514.690.604	11.361.351.067
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		9.426.868.506	8.135.747.296
8. Chi phí bán hàng	24		2.750.986.951	2.577.127.932
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.730.009.637	6.217.598.739
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh				
[30 = 20 + (21 -22) - (24 + 25)]	30		22.881.287.199	34.928.106.389
11. Thu nhập khác	31		9.519.243.711	6.920.624.847
12. Chi phí khác	32		1.043.216.846	3.246.194.119
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		8.476.026.865	3.674.430.728
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		31.357.314.064	38.602.537.117
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	4.690.183.238	6.741.565.575
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51-52)	60		26.667.130.826	31.860.971.542
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		4.102,64	5.539



Dương Thị Quỳnh Giao
Kế toán trưởng



Cần Thơ, ngày 29 tháng 02 năm 2012

Nguyễn Phú Thọ
Tổng Giám Đốc

"Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính"

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

366E CMT8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

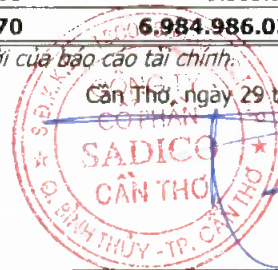
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)**

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ T SỐ M	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I - Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất, kinh doanh			
1 Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu	01	311.920.071.164	247.593.011.704
2 Tiền chi trả cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(137.833.892.305)	(180.778.055.682)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03	(25.643.032.806)	(21.427.953.245)
4 Tiền chi trả lãi vay	04	(5.712.440.697)	(4.567.082.277)
5 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(4.677.217.642)	(7.734.412.257)
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.306.590.790	11.098.727.723
7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(25.451.049.797)	(28.442.394.676)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	113.909.028.707	15.741.841.290
II- Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư			
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản	21	(6.666.453.394)	(400.627.273)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản	22	99.450.000	2.003.200.000
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(20.800.000.000)
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	20.800.000.000
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	3.578.927.354
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	14.293.466.391	12.827.901.429
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	7.726.462.997	18.009.401.510
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	-
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	116.976.626.923	171.536.689.717
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(220.945.611.480)	(192.205.627.784)
5 Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6 Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(26.181.960.800)	(12.830.538.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(130.150.945.357)	(33.499.476.367)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(8.515.453.653)	251.766.433
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	15.490.856.101	15.235.130.602
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	9.583.582	3.959.066
Tiền tồn cuối kỳ	70	6.984.986.030	15.490.856.101

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 02 năm 2012


Dương Thị Quỳnh Giao
 Kế toán trưởng

Nguyễn Phú Thọ
 Tổng Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E CMT8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất
- Ngành nghề kinh doanh** : Ngành nghề kinh doanh chính của công ty trong năm là sản xuất bao xi măng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, để đang chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E CMT8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn thanh toán của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ hữu hình và vô hình

Nguyên tắc ghi nhận

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6-30
Máy móc và thiết bị	6-15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5-10
Phần mềm máy tính	8

6. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

7. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ kế toán. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E CMT8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

8. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn chứng từ.

9. Chi phí phải trả

Gồm chi phí lãi vay phải trả cho việc sử dụng khoản tiền đã vay và các khoản trích trước theo chế độ kế toán hiện hành gồm:

- Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định
- Trích trước chi phí tiền lương nghỉ phép cho người lao động
- Trích trước chi phí cho thời gian ngừng sản xuất, kinh doanh

10. Các khoản dự phòng phải trả

Quỹ bảo hiểm thất nghiệp

Được trích lập theo luật bảo hiểm xã hội hiện hành.

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Hội đồng quản trị

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E CMT8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

13. Nguyên tắc ghi nhận ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá ngày tại phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

1021
CÔNG
THƯƠNG
CẦN
THƠ
12/12

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E CMT8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1, Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
- Tiền mặt tại quỹ	38.873.352	258.317.210
- Tiền gửi ngân hàng		
VND		
Sacombank CẦN THƠ	5.816.987.760	2.615.394.074
Eximbank CẦN THƠ	1.521.892	1.585.332
Viettinbank CẦN THƠ	1.046.454.175	31.797.136
Indovinabank CẦN THƠ	40.036.254	35.002.604
USD		
Viettinbank CẦN THƠ-1.199,03USD	24.973.397	22.460.168
Indovinabank CẦN THƠ-112,73USD	2.347.940	
Sacombank CẦN THƠ-662,15USD	13.791.260	26.299.577
- Các khoản tương đương tiền		
Tiền gửi có kỳ hạn-Sacombank CẦN THƠ		7.500.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn-Vietinbank CẦN THƠ		5.000.000.000
Cộng	<u>6.984.986.030</u>	<u>15.490.856.101</u>

2, Phải thu khách hàng

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
Cty TNHH XM Holcim Việt Nam	42.854.953.611	41.536.792.660
Cty CP XM Hà Tiên Kiên Giang	2.447.283.790	1.525.203.180
Cty CP XM Hà Tiên	1.209.957.650	1.093.447.880
Cty CP Khoáng sản & XM CẦN THƠ	1.386.592.550	1.985.255.500
Cty CP XM Kiên Giang	304.460.200	634.159.760
Cty CP XM Hà Tiên Kiên Giang Becamex	82.538.511	-
Cty CP Đầu tư & Thương Mại DIC	276.342.000	-
CN Cty CP XM Thăng Long	8.671.763.785	-
Cty TNHH MTV XM CẦN THƠ - Hậu Giang	277.410.650	-
Cty CP VT XD Minh Hải	583.000.000	-

Cty TNHH XD TM VT Phan Thành	-	66.000.000
Cty CP Bê Tông Phan Vũ Cần Thơ	198.000.000	-
Cộng	58.292.302.747	46.840.858.980

3, Trả trước cho nhà cung cấp

	31/12/2011	01/01/2011
Trung tâm Công nghệ phần mềm Cần Thơ	10.800.000	10.800.000
CN Cty TNHH Kiểm toán Mỹ tại Cần Thơ	30.000.000	-
Cty CP Truyền thông sự kiện Phương Nam	3.300.000	-
Viện nghiên cứu & Đào tạo Quản lý	-	30.000.000
Khách hàng nhập khẩu	15.255.495	8.335.275
Cộng	59.355.495	49.135.275

4, Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu người lao động (lương)	801.316.706	801.316.706
Phải thu người lao động (BHXH, BHYT, BHTN)	74.056.666	1.239.265
Phải thu người lao động (thuế TNCN)	118.345.599	-
Phải thu cổ tức- Cty CP XM Hà Tiên	395.760.000	395.760.000
Phải thu cổ tức- Cty CP XM Hà Tiên Kiên Giang	151.200.000	201.600.000
Phải thu lãi tiền gửi-Sacombank Cần Thơ	-	47.555.556
Phải thu lãi tiền gửi-Vietinbank Cần Thơ	-	35.000.000
Vũ Mạnh Duy	14.947.464	-
Phải thu khác-BHXH 2% để lại	17.343.692	-
Cộng	1.572.970.127	1.482.471.527

5, Hàng tồn kho

	31/12/2011	01/01/2011
- Hàng mua đang đi đường		
- Nguyên liệu, vật liệu	30.483.880.403	44.343.895.276
- Công cụ, dụng cụ	-	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.521.334.794	1.849.172.159
- Thành phẩm	11.090.714.179	7.716.079.328
- Hàng hóa	4.399.998	4.399.998
- Hàng gửi đi bán	-	-
- Hàng hóa kho bảo thuế	-	-
Cộng	45.100.329.374	53.913.546.761

6, Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
Bảo hiểm rủi ro tài sản	-	66.631.818
Sửa chữa PXTC, PXSX2, PXSX		18.856.400
Chi phí đồng phục		36.600.000
Chi phí bảo hộ lao động		139.919.318
Chi phí bảo hiểm hàng hóa	36.363.636	-
Chi phí bảo hiểm tài sản	31.005.152	
Cộng	<u>67.368.788</u>	<u>139.919.318</u>

7, Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
Thuế GTGT hàng nhập khẩu chưa khấu trừ	82.971.024	28.144.053
Thuế GTGT nội địa chưa khấu trừ	-	1.303.639.305
Các khoản thuế khác	-	205.477.451
Cộng	<u>82.971.024</u>	<u>1.537.260.809</u>

8, Tài sản ngắn hạn khác

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
Tạm ứng	458.728.214	323.339.254
Ký quỹ	1.042.267.428	801.508.541
Cộng	<u>1.500.995.642</u>	<u>1.124.847.795</u>

9, Tài sản cố định hữu hình

Phụ lục 1

10, Tài sản cố định vô hình

Phụ lục 2

11, Chi phí XDCB dở (chi tiết các công trình có giá trị lớn)

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
Hệ thống trộn liệu Motan	-	743.924.983
Hệ thống kim xôm lỗ siêu mịn	-	1.116.890.868
Máy dệt 8 thoi (dệt 2)	-	3.997.890
Cụm in tạo ống 1	111.174.800	-
Hệ thống trộn liệu máy tráng màng	4.300.000	
Cộng	<u>115.474.800</u>	<u>1.864.813.741</u>

12, Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Phụ lục 3

13, Chi phí trả trước dài hạn

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	36.644.190	147.398.709
Công cụ, dụng cụ	71.793.000	194.777.000
Khác	11.056.661	5.398.200
Cộng	<u>119.493.851</u>	<u>347.573.909</u>
14, Vay và nợ ngắn hạn		
	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
Vay Sacombank Cần Thơ (VND)	11.160.311.455	13.221.544.144
Vay Indovina bank Cần Thơ (VND)	4.959.387.400	12.412.829.750
Vay Viettinbank Cần Thơ (VND)	19.769.089.500	9.916.636.471
Vay Indovina bank Cần Thơ (USD)	7.820.315.195	1.705.583.880
Vay Sacombank Cần Thơ (USD)	-	12.690.013.581
Cộng	<u>43.709.103.550</u>	<u>49.946.607.826</u>
15, Phải trả nhà cung cấp		
	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
CN Cty XNK Thủy Sản Miền Trung	4.395.216.980	2.475.525.000
Vinalines Cần Thơ	20.986.095	964.920
Cty CP SX TM DV Đức Quân	151.569.000	-
Cty CP Nhựa Bao bì Ngân Hạnh	1.583.052.180	-
Cty TNHH MTV Hồng Phát	300.850.821	211.194.852
DNTN SX TM DV Dây Đồng Nam	43.243.200	-
Cty TNHH Thuận Lợi	187.200.000	86.231.250
Các khách hàng khác	-	704.571.400
Cộng	<u>6.682.118.279</u>	<u>3.478.487.422</u>
16, Người mua trả tiền trước		
	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
DNTN Quốc Tín	-	49.998.000
Cty CP Xi Măng Tây Đô	5.000.000.000	-
Cộng	<u>5.000.000.000</u>	<u>49.998.000</u>
17, Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	82.971.024	28.144.053
- Thuế GTGT hàng nội địa	1.088.801.908	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	454.705.435	441.739.839
- Thuế thu nhập cá nhân	64.206.399	309.748.541
Cộng	<u>1.690.684.766</u>	<u>779.632.433</u>
18, Chi phí phải trả		
	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
- Lãi vay phải trả		
Lãi vay phải trả cho Công ty mua bán nợ	27.269.284.503	23.615.046.948

Lãi vay phải trả cho Sacombank Cần Thơ	60.068.519	52.607.206
Lãi vay phải trả cho Vietinbank Cần Thơ	109.439.957	49.201.786
Cộng	27.438.792.979	23.716.855.940

19, Khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	131.755.589	113.027.222
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	105.485.670	1.114.803.495
Cộng	237.241.259	1.227.830.717

20, Vay và nợ dài hạn

	31/12/2011	01/01/2011
a- Vay dài hạn	22.530.083.000	40.758.083.000
Công ty mua bán nợ	22.260.083.000	34.260.083.000
Quỹ đầu tư phát triển thành phố Cần Thơ	-	5.688.000.000
Ngân hàng nhà nước Việt Nam CN Cần Thơ	270.000.000	810.000.000
b- Nợ dài hạn	-	-
Cộng	22.530.083.000	40.758.083.000

21, Vốn chủ sở hữu

a- Vốn chủ sở hữu

Phụ lục 4

b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của Nhà nước		
- Vốn góp của đối tượng khác	64.999.970.000	64.999.970.000
-		
Cộng	64.999.970.000	64.999.970.000

c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	64.999.970.000	50.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	14.999.970.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	64.999.970.000	64.999.970.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	19.499.991.000	12.998.994.000

d- Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		

- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	6.499.997	6.499.997
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại		
+ Cổ phiếu phổ thông	6.499.997	6.499.997
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	6.499.997	6.499.997
+ Cổ phiếu ưu đãi		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán hàng	279.942.413.326	231.531.936.227
- Doanh thu cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu hợp đồng xây dựng (Đối với doanh nghiệp có hoạt động xây lắp)		
+ Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ		
+ Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm cuối năm		
Cộng	<u>279.942.413.326</u>	<u>231.531.936.227</u>

2, Doanh thu thuần về cung cấp hàng hóa, dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa	279.942.413.326	231.531.936.227
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	-	-
- Khác	-	-
Cộng	<u>279.942.413.326</u>	<u>231.531.936.227</u>

3, Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	-
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	249.124.076.375	199.581.088.919
Cộng	<u>249.124.076.375</u>	<u>199.581.088.919</u>

4, Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.427.015.421	1.577.582.173
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	13.539.753.000	11.934.682.000
- Lãi bán ngoại tệ	-	-

- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	32.977.257	
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	58.891.762	
- Lãi bán cổ phiếu Cty CP xi măng Cần Thơ	-	9.621.072.646
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Cộng	15.058.637.440	23.133.336.819

5, Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	9.426.868.506	8.135.747.296
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	-
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	-
- Lỗ bán ngoại tệ	-	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.887.822.098	3.146.033.261
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	-
- Chi phí tài chính khác	200.000.000	79.570.510
Cộng	11.514.690.604	11.361.351.067

6, Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.690.183.238	6.741.565.575
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
Cộng	4.690.183.238	6.741.565.575

VII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1, Thông tin về các bên liên quan

- Công ty Mua bán nợ

Là Cổ đông sáng lập sở hữu 48,83% vốn điều lệ

- Công ty cổ phần Xi măng Tây Đô

Là Cổ đông sáng lập sở hữu 20% vốn điều lệ, đồng thời là Công ty liên kết với tỷ lệ nhận vốn góp từ Sadico là 48,17%

2, Nợ phải thu và phải trả với các bên có liên quan tại ngày 31/12/2011

	Nợ phải thu	Nợ phải trả
- Công ty mua bán nợ		49.529.367.503

+Nợ gốc	22.260.083.000
+Nợ lãi	27.269.284.503
-Công ty cổ phần xi măng Tây Đô	5.000.000.000

3. Thông tin có tính so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của niên độ kế toán trước

-Chi phí thuế thu nhập hiện hành năm trước tăng 5.170.000 VND do ghi tăng chi phí thuế TNDN hiện hành năm trước do đơn vị điều chỉnh theo biên bản kiểm toán nhà nước

-Số dư đầu năm của khoản thuế và các khoản nộp nhà nước tăng 5.170.000 VND; số dư đầu năm của khoản mục lợi nhuận chưa phân phối giảm 5.170.000 do đơn vị ghi nhận thuế TNDN phải nộp theo biên bản kiểm toán



Dương Thị Quỳnh Giao
Kế toán trưởng



Cần Thơ, ngày 29 tháng 02 năm 2012

Nguyễn Phú Thọ
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E CMT8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Phụ lục 2

Tăng, giảm TSCĐ hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	29.472.942.093	109.952.699.735	2.469.756.951	783.297.396	142.678.696.175
- Mua trong năm		6.550.978.594			6.550.978.594
- Thanh lý, nhượng bán		(370.431.084)		(104.820.501)	(475.251.585)
- Giảm khác					-
Số dư cuối năm	29.472.942.093	116.133.247.245	2.469.756.951	678.476.895	148.754.423.184
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	15.691.575.478	76.597.618.409	1.144.427.938	383.773.980	93.817.395.805
- Khấu hao trong năm	1.356.258.587	6.986.192.941	274.932.472	109.992.825	8.727.376.825
- Thanh lý, nhượng bán		(296.962.882)		(104.820.501)	(401.783.383)
- Giảm khác					-
Số dư cuối năm	17.047.834.065	83.286.848.468	1.419.360.410	388.946.304	102.142.989.247
Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu năm	13.781.366.615	33.355.081.326	1.325.329.013	399.523.416	48.861.300.370
- Tại ngày cuối năm	12.425.108.028	32.846.398.777	1.050.396.541	289.530.591	46.611.433.937

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để cầm cố, thế chấp đảm bảo các khoản vay:

6.436.943.325

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

15.917.086.141

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý:

- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai:

- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình:

Cần Thơ, ngày 29 tháng 02 năm 2012



Dương Thị Quỳnh Giao
Kế toán trưởng



Nguyễn Phú Thọ
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E CMT8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Phụ lục 2

Tăng, giảm TSCĐ vô hình

Khoản mục	Quyền SD đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm				49.486.032	49.486.032
- Mua trong năm					-
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp					-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh					-
- Tăng khác					-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác					-
Số dư cuối năm				49.486.032	49.486.032
Hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm				46.038.843	46.038.843
- Khấu hao tăng trong năm				3.447.189	3.447.189
- Tăng khác					-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác					-
Số dư cuối năm	-	-	-	49.486.032	49.486.032
Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu năm	-	-	-	3.447.189	3.447.189
- Tại ngày cuối năm	-	-	-	-	-



Dương Thị Quỳnh Giao
Kế toán trưởng



Cần Thơ, ngày 29 tháng 02 năm 2012

Nguyễn Phú Thọ
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E CMT8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Phụ lục 3

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối năm		Đầu năm	
	SL	Giá trị	SL	Giá trị
Đầu tư vào công ty con		-		-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		42.291.820.004		42.291.820.004
- Công ty Cổ phần xi măng Tây Đô	3.661.150	42.291.820.004	3.661.150	42.291.820.004
Đầu tư dài hạn khác		6.243.199.785		6.243.199.785
- Đầu tư cổ phiếu				
+ Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên	26.384	2.682.621.200	26.384	2.682.621.200
+ Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang	14.000	1.550.893.958	14.000	1.550.893.958
+ Công ty cổ phần Bê Tông Phan Vũ Cần Thơ	20.000	2.009.684.627	20.000	2.009.684.627
- Đầu tư trái phiếu		0		0
- Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu		0		0
- Cho vay dài hạn		0		0
Cộng		48.535.019.789		48.535.019.789

Cần Thơ, ngày 29 tháng 02 năm 2012



Dương Thị Quỳnh Giao
Kế toán trưởng



Nguyễn Phú Thọ
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E CMT8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Phụ lục 4

Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	50.000.000.000		1.981.166.994	990.583.497	(63.932.716)	25.235.954.192	78.143.771.967
- Tăng trong năm	14.999.970.000		5.234.108.005	2.457.723.294	342.950.088	38.602.537.117	61.637.288.504
- Giảm trong năm		(50.000.000)			(148.395.109)	(45.144.140.875)	(45.342.535.984)
Số dư cuối năm trước, đầu năm nay	64.999.970.000	(50.000.000)	7.215.274.999	3.448.306.791	130.622.263	18.694.350.434	94.438.524.487
- Tăng trong năm			1.866.699.158	800.013.925	87.292.240	26.667.130.826	29.421.136.149
Giảm trong năm					(217.914.503)	(30.862.557.624)	(31.080.472.127)
Số dư cuối năm nay	64.999.970.000	(50.000.000)	9.081.974.157	4.248.320.716		14.498.923.636	92.779.188.509

Cần Thơ, ngày 29 tháng 02 năm 2012



Dương Thị Quỳnh Giao
Kế toán trưởng



Nguyễn Phú Thọ
Tổng Giám đốc